

THỰC TRẠNG THAM GIA THỂ DỤC THỂ THAO THÍCH ỨNG CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở CÁC TRUNG TÂM VĂN HÓA ĐÔ THỊ

Đặng Văn Dũng⁽¹⁾

Tóm tắt:

Trên cơ sở các số liệu thu được qua điều tra xã hội học, phỏng vấn và các số liệu thứ cấp, đề tài đánh giá thực trạng tham gia TDTT thích ứng của người khuyết tật (NKT) ở các trung tâm văn hóa đô thị. Đây là cơ sở khoa học cho việc đề ra các chính sách và giải pháp phát triển TDTT thích ứng cho NKT tại các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030.

Từ khóa: Thực trạng, thể dục thể thao thích ứng, người khuyết tật.

Situation of adaptive sports participation of People with Disabilities (PWDs) in urban cultural centers

Summary:

On the basis of data obtained through sociological surveys, interviews and data, the study has assessed the status of adaptive sports participation of People with Disabilities (PWDs) in urban cultural centers. It is the scientific basis for formulating policies and solutions to develop adaptive sports for PWDs in urban cultural centers by 2030.

Keywords: Situation, adaptive sports, People with Disabilities.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể dục thể thao thích ứng là một loại hình văn hóa thể chất của những người có sai lệch về sức khỏe (thể chất, trí tuệ, cảm xúc, thẩm mỹ, đạo đức, v.v...) và xã hội. Đây là một loại hình hoạt động và kết quả của nó có ý nghĩa về mặt xã hội và cá nhân nhằm tạo ra sự sẵn sàng toàn diện của người có sai lệch về sức khỏe (bao gồm cả NKT), trong cuộc sống; tối ưu hóa tình trạng và sự phát triển về sức khỏe trong quá trình phục hồi toàn diện và hòa nhập xã hội; Đây là một quá trình cụ thể và kết quả hoạt động của con người, cũng như các phương tiện và phương pháp hoàn thiện một cách hài hòa mọi mặt và đặc tính của cá nhân có sai lệch về sức khỏe với sự trợ giúp của các bài tập thể chất, cũng như các yếu tố của môi trường tự nhiên và vệ sinh [5].

Việc đánh giá thực trạng tham gia TDTT thích ứng của NKT ở các trung tâm văn hóa đô thị là một trong những nội dung quan trọng của đề tài cấp quốc gia: "Chính sách và giải pháp thích ứng đối với NKT trong hoạt động thể dục thể thao ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030", mã số: KX.01.38/16-20 [3].

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp chủ yếu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp điều tra xã hội học.

Thực trạng tham gia hoạt động TDTT của NKT tại các trung tâm văn hóa đô thị được xác định dựa trên kết quả khảo sát của đề tài KX.01.38/16-20, với mẫu điều tra được xác định theo phương pháp chọn mẫu đa cấp, kết hợp chọn mẫu điển hình với chọn mẫu ngẫu nhiên nhiều cấp để lựa chọn địa bàn và đối tượng điều tra. Thời gian điều tra được tiến hành từ tháng 11/2019 đến tháng 4/2020.

Địa bàn nghiên cứu được tiến hành ở 7 tỉnh, thành phố (Điện Biên; Hà Nội; Nghệ An; Đà Nẵng; Đắk Lắk; TP. Hồ Chí Minh; Kiên Giang), với 14 xã, phường đại diện cho các loại đô thị.

Các thông tin nghiên cứu được thu thập trên nhóm đối tượng NKT cung cấp gồm 704 người ở độ tuổi từ 14 – 60 (với các dạng khuyết tật). Ngoài ra còn khai thác thông tin từ nhóm đại diện gia đình NKT (1335 người) và nhóm cán bộ đại diện cơ sở cung cấp dịch vụ cho NKT

⁽¹⁾PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: dangvandungtdtt@gmail.com)

tham gia các hoạt động TDTT quần chúng (256 người).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thể thao chuyên biệt - phục hồi chức năng

Thể thao chuyên biệt có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với NKT bởi đây thực chất là các hoạt động hàng ngày hướng đến phục hồi chức năng cho họ. Hiện nay, mạng lưới các cơ sở phục hồi chức năng (PHCN) được hình thành và phát triển trên toàn quốc với 63 bệnh viện/ trung tâm. Trong đó tuyến Trung ương có 1 Bệnh viện và 1 Trung tâm PHCN (Bệnh viện Bạch Mai); 100% bệnh viện tuyến trung ương có khoa PHCN, 38 bệnh viện PHCN thuộc Sở Y tế; 27 cơ sở PHCN trực thuộc các bộ, ngành khác [6].

Đồng thời, chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho NKT, thực hiện Đề án

trợ giúp NKT, giai đoạn 2012-2015, đã có 170.000 NKT được chăm sóc sức khỏe, 23,2% NKT có nhu cầu được PHCN góp phần quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe NKT, đồng thời giảm sức ép cho các bệnh viện, cơ sở PHCN tuyến trên. Báo cáo Điều tra quốc gia về NKT 2016 cho thấy, bình quân 1 trạm y tế có 0,84 cán bộ được đào tạo chuyên môn PHCN, tuy nhiên, tại khu vực thành thị con số này chỉ đạt 0,79 cán bộ/trạm y tế, chiếm 12% trong tổ số cán bộ tại các cơ sở này (ở khu vực nông thôn, mỗi trạm y tế có 0,87 cán bộ được đào tạo về PHCN, chiếm 13% tổng số).

Bên cạnh đó, theo số liệu từ Báo cáo tổng kết, đánh giá 5 năm thi hành Luật KNT, trong tổng số 1499 NKT được khảo sát, chỉ có 2% NKT được cung cấp dụng cụ hỗ trợ và hướng dẫn PHCN (bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ NKT được hỗ trợ y tế chia theo tỉnh/thành phố thành thị - nông thôn và hình thức hỗ trợ

Phân tổ	Tổng	Tỷ lệ NKT được hỗ trợ y tế chia theo hình thức hỗ trợ (%)					
		Cấp thẻ BHYT	Phẫu thuật chỉnh hình	Cung cấp dụng cụ hỗ trợ và hướng dẫn PHCN	Ưu tiên khám, chữa bệnh	Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	Khác
Thành thị	342	86.0	3.2	5.0	6.8	8.3	4.7
Nông thôn	1157	93.2	3.7	1.1	13.4	5.9	3.8
Chung	1499	91.5	3.6	2.0	11.9	6.4	4.0

Nguồn: Báo cáo tổng kết, đánh giá 5 năm thi hành Luật NKT, 2015.

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, có sự chênh lệch đáng kể giữa 2 khu vực thành thị và nông thôn đối với dịch vụ cung cấp dụng cụ hỗ trợ và hướng dẫn PHCN (5% ở thành thị so với 1,1% ở nông thôn). Điều này cho thấy, những tác động nhất định của khu vực sống đến khả năng tiếp cận các hoạt động hỗ trợ PHCN cho NKT.

Thể thao chuyên biệt hay PHCN cho NKT đã và đang được quan tâm bởi cộng đồng, các tổ chức và Chính phủ Việt Nam, tuy nhiên, với những số liệu thống kê được phân tích ở trên có thể thấy, điều kiện và khả năng đáp ứng nhu cầu PHCN của NKT ở Việt Nam còn thấp khi cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ có chuyên môn kỹ thuật trong công tác này còn rất hạn chế. Điều này thể hiện trực tiếp thông qua số lượng, tỷ lệ NKT được hỗ trợ PHCN ở Việt Nam rất thấp. Vấn đề

cần quan tâm ở đây là việc thiếu những quy định chính sách cụ thể về công tác này.

2. Phong trào TDTT thích ứng

Trong những năm qua, công tác phát triển TDTT đối với NKT trong cả nước có bước chuyển biến tiến bộ. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, ban ngành, địa phương, đơn vị đã có nhận thức đúng đắn về quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với NKT, đã có bước tiến rõ rệt trong việc triển khai thực hiện tốt việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và địa phương về công tác phát triển TDTT nói chung và TDTT cho NKT nói riêng trong tình hình mới đã được truyền tải kịp thời.

Nhiều địa phương đã xây dựng chương trình,

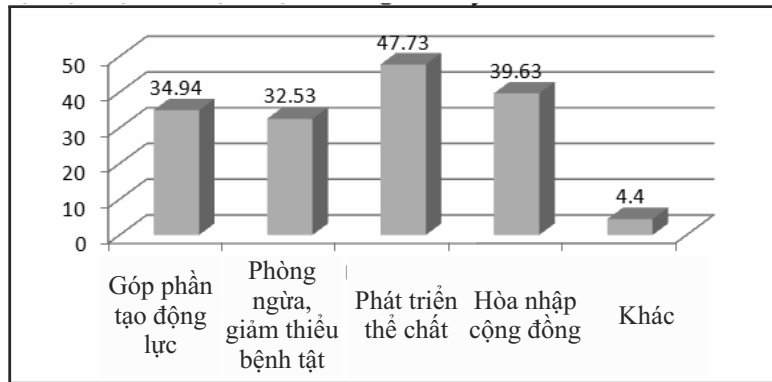
kế hoạch, đề án, cụ thể hóa triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước về phát triển TDTT dành cho NKT, thông qua đó góp phần giáo dục, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự nhất trí cao trong toàn Đảng và sự đồng thuận trong xã hội đối với người kém may mắn, góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển, ổn định dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

Theo số liệu khảo sát, 32,24% số NKT biết đến các chính sách thể thao quần chúng. Con số này cao hơn so với tỷ lệ NKT biết về các chính sách thể thao chuyên nghiệp, tuy nhiên thấp hơn nhiều so với tỷ lệ NKT không biết về các chính sách TDTT (50,71%). Thực tế này cho thấy, các chính sách TDTT vẫn chưa thực sự nhận được sự quan tâm của NKT. Thực tế, Nhà nước đã

sớm quan tâm đến phong trào TDTT cho NKT, trong đó có các giải đấu chuyên nghiệp cũng như các phong trào TDTT quần chúng.

Tuy nhiên, có thể do công tác phổ biến chính sách chưa đạt hiệu quả nên NKT chưa tiếp cận được thông tin, hoặc do bản thân NKT không có nhu cầu tìm hiểu do chưa nhận thức được tầm quan trọng của TDTT.

Nhận thức của NKT về tác dụng của các hoạt động TDTT còn chưa đầy đủ (biểu đồ 1). Hiệu quả về “phát triển thể chất” được NKT ghi nhận nhiều hơn cả với 47,73%, tiếp đến là “hòa nhập cộng đồng” với gần 40% ý kiến. Quan điểm về TDTT góp phần tạo động lực và phòng ngừa, giảm thiểu bệnh tật chỉ nhận được khoảng 1/3 số ý kiến của NKT trả lời.



Biểu đồ 1. Nhận thức về tác động của TDTT đối với cuộc sống theo đánh giá của NKT, 2020 (%)
(Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài KX.01.38/16-20)

Điều này khá phù hợp khi tỷ lệ NKT nhận thức về vai trò của các chính sách về TDTT đối với NKT khi chỉ có khoảng 1/3 các ý kiến của NKT cho rằng, các chính sách có vai trò quan trọng đối với NKT và cũng khoảng 1/3 số ý kiến cho rằng mức độ quan trọng của các chính sách về TDTT ở mức độ “bình thường”; thậm chí 14,06% cho rằng các chính sách này không quan trọng.

Tính đến nay, trên toàn quốc có nhiều tỉnh, thành phố có các câu lạc bộ TDTT của NKT và 35 tỉnh, thành phố có phong trào TDTT cho NKT với nhiều hoạt động, nhiều môn thể thao phù hợp như: Điền kinh, Bơi, Cầu lông, Bóng bàn, Bóng chày, Bóng đá, Bóng rổ, Quần vợt, Cờ vua, Judo, Aikido, Taekwondo ... Các hoạt động TDTT đã giúp NKT được giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, tự tin hòa nhập cộng đồng,

nâng cao sức khỏe, hoàn thiện bản thân, nâng cao kỹ năng sống, có thêm thu nhập, nâng cao đời sống. Nhiều tỉnh, thành phố quan tâm tạo điều kiện về công tác tập huấn, tham dự các giải thể thao NKT trong nước và quốc tế. Tổ chức các hoạt động thể thao cho NKT toàn quốc hàng năm và Hội thi thể thao văn nghệ NKT 4 năm/lần. Trên cơ sở đó, tổ chức tuyển chọn, tập huấn các vận động viên có thành tích xuất sắc các môn, cử các đội tuyển tham dự các giải thể thao cho NKT quốc tế.

Theo ý kiến của các cán bộ cung cấp dịch vụ, mục đích họ hướng dẫn, tập luyện TDTT cho NKT rất đa dạng, trong đó 88,3% xác định mục đích là để nâng cao sức khỏe tinh thần cho NKT; 75,52% cán bộ xác định mục đích hướng dẫn NKT tập luyện thể thao là để nâng cao sức khỏe

BÀI BÁO KHOA HỌC

thể chất; 65,43% cán bộ hướng dẫn NKT tập luyện thể thao để phục hồi chức năng; 77,23% hướng dẫn cho NKT tập luyện phục vụ thi đấu; 48,5% hướng dẫn cho NKT tập thể thao để phòng ngừa bệnh tật. Như vậy, mục đích mà nhiều cán bộ cung cấp dịch vụ hướng tới nhất là để nâng cao sức khỏe tinh thần cho NKT. Có thể thấy, hoạt động thể thao có giá trị to lớn về mặt tinh thần đối với NKT khi giúp họ nhận ra những giá trị của bản thân cũng như tạo ra cơ hội hòa nhập cộng đồng cho NKT.

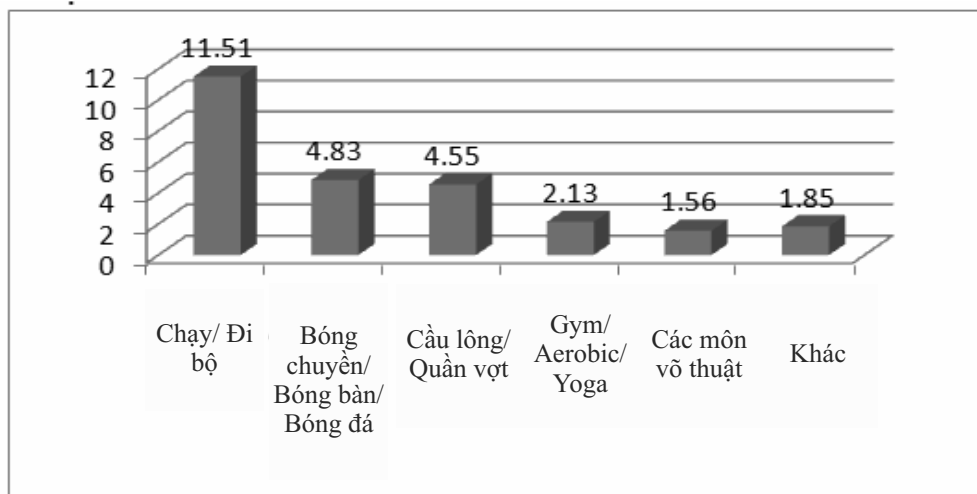
Các hoạt động TDDT dành cho NKT là cơ hội tốt để cho NKT có điều kiện nâng cao sức khỏe, phòng ngừa giảm thiểu bệnh tật, và cũng đồng thời là cơ hội để NKT có thể hòa nhập cộng đồng. Từ các phong trào thể thao quần chúng này, nhiều vận động viên khuyết tật đã được phát hiện và rèn luyện để tham gia các giải đấu trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, các hoạt động TDDT vẫn chưa nhận được nhiều sự tham gia từ phía NKT.

Tỷ lệ NKT tham gia các hoạt động TDDT quần chúng thấp (biểu đồ 2), chiếm 25,14% tổng số người được hỏi. Trong số những NKT tham gia các hoạt động TDDT, tỷ lệ nam tham gia cao hơn so với nữ (27,78% so với 21,75%)

Thực tế, NKT chỉ bị hạn chế trong một số môn thể thao mà điều kiện thể chất của họ không cho phép, nhưng điều đó không có nghĩa là họ không có khả năng tập luyện các môn TDDT phù hợp. Có khá nhiều môn thể thao mà NKT có thể tập luyện, tùy thuộc vào mức độ khuyết tật và điều kiện sức khỏe của bản thân.

Nhìn chung, tỷ lệ NKT tham gia các môn thể thao rất thấp. Môn thể thao có nhiều người tham gia hơn hẳn so với các môn còn lại là chạy/đi bộ, với tỷ lệ người tham gia là 11,51%. Đây là một môn thể thao khá đơn giản, không đòi hỏi kỹ thuật khó cũng như có thể tự tập luyện mà không cần huấn luyện viên nếu như người tập không hướng tới tham gia thi đấu lấy thành tích. Do đó, bộ môn thể thao này được nhiều NKT lựa chọn hơn cả. Hơn nữa, với những NKT vận động dạng nhẹ, chưa mất hoàn toàn khả năng đi lại, thì bộ môn chạy/đi bộ vừa giúp nâng cao sức khỏe, vừa có tính chất phục hồi chức năng rất tốt. Các môn võ thuật có tỷ lệ người tham gia thấp nhất (1,56%). Đây là môn thể thao đòi hỏi nhiều kỹ thuật khó, cần phải có huấn luyện viên và đòi hỏi sức khỏe tốt, ít bị hạn chế về vận động. Do vậy, không có nhiều NKT có thể tập luyện môn thể thao này. Các môn thể thao với bóng như Bóng đá, Bóng bàn, Bóng chuyền hay các môn đòi hỏi sự dẻo dai như gym, yoga, aerobic cũng không có nhiều NKT tham gia. Về cơ bản, NKT có những hạn chế nhất định trong vận động, nên họ cũng gặp phải trở ngại trong lựa chọn môn thể thao phù hợp. Những người không khuyết tật vận động có khả năng tham gia các môn thể thao cao hơn so với NKT vận động. Tuy nhiên, kết quả trên đã phản ánh tình trạng NKT ít tham gia các hoạt động TDDT.

Địa điểm tập luyện đóng vai trò rất quan trọng đối với hiệu quả tập luyện TDDT. Dựa trên tính chất của mỗi môn thể thao sẽ có những địa điểm tập luyện phù hợp. Một số môn phù hợp tập luyện



Biểu đồ 2. Tỷ lệ NKT tham gia các môn thể thao (%)
(Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài KX.01.38/16-20)

tại nhà, tuy nhiên một số môn lại đòi hỏi phải có cơ sở phù hợp như sân cỏ hoặc nhà thi đấu. Tùy vào từng môn thể thao mà NKT có thể lựa chọn cho mình địa điểm tập luyện phù hợp.

Tỷ lệ NKT tham gia hoạt động TDDT là

Bảng 2. Địa điểm tập luyện TDDT của NKT

TT	Địa điểm tập luyện TDDT	Tỷ lệ NKT (%)
1	Nhà văn hóa thôn/tổ	3.41
2	Khu/cụm TDDT cộng đồng	8.66
3	Nhà văn hóa xã/phường	5.11
4	Trung tâm/cơ sở cung cấp dịch vụ TDDT	2.84
5	Khác	8.52

Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài KX.01.38/16-20.

Số liệu trên bảng 2 cho thấy, 8,66% NKT lựa chọn tập luyện thể thao ở Khu/cụm TDDT cộng đồng. Đây là những cơ sở tập luyện TDDT được tổ chức bài bản và dành riêng cho hoạt động rèn luyện thể thao. Tại các cụm TDDT này, người tập có thể được tham gia vào các cộng đồng, các nhóm có chung niềm yêu thích tập luyện TDDT, đây cũng là một cơ hội tốt để hòa nhập cộng đồng. Bên cạnh đó, 8,52% NKT cũng lựa chọn tập luyện thể thao tại nơi khác thay vì nhà văn hóa thôn/tổ, nhà văn hóa xã/phường, hay trung tâm/cơ sở cung cấp dịch vụ TDDT. Nhiều NKT lựa chọn tập luyện ở nhà với sự giúp đỡ của người thân hoặc đến các trung tâm đặc thù phục hồi chức năng.

KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng tham gia TDDT thích ứng của NKT ở các trung tâm văn hóa đô thị. Kết quả thực trạng đã cho thấy:

Thể thao chuyên biệt hay PHCN cho NKT đã và đang được quan tâm của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội. Tuy nhiên, điều kiện và khả năng đáp ứng nhu cầu PHCN của NKT ở Việt Nam còn rất thấp do hạn chế về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ có chuyên môn kỹ thuật;

Đa số NKT chưa nhận thức đầy đủ về tác dụng của các hoạt động TDDT;

Số lượng NKT tham gia tập luyện TDDT còn thấp (25,14%), các môn thể thao được NKT tham gia tập luyện chủ yếu là: chạy/đi bộ, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, gym, aerobic, võ thuật;

không cao, tuy nhiên, đối với những NKT tham gia các môn thể thao, họ cũng lựa chọn những địa điểm phù hợp để phục vụ tốt nhất cho việc tập luyện thể thao.

Địa điểm tập luyện thể thao của NKT tập chung chủ yếu ở ở Khu/cụm TDDT cộng đồng, Nhà văn hóa xã/phường, Nhà văn hóa thôn/tổ, Trung tâm/cơ sở cung cấp dịch vụ TDDT.

Đây là những cơ sở khoa học quan trọng cho việc đề ra các chính sách và giải pháp phát triển TDDT thích ứng cho NKT tại các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kết quả nghiên cứu nội dung 7: "Dự báo triển vọng phát triển thể dục thể thao thích ứng cho NKT ở các trung tâm đô thị cho tới năm 2030", *Đề tài KH&CN cấp quốc gia, Mã số: KX.01.38/16-20.*

2. Báo cáo khảo sát đề tài: "Chính sách và giải pháp thích ứng đối với NKT trong hoạt động thể dục thể thao ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030", *Đề tài KH&CN cấp quốc gia, Mã số: KX.01.38/16-20.*

3. Báo cáo tổng hợp đề tài: "Chính sách và giải pháp thích ứng đối với NKT trong hoạt động thể dục thể thao ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030", *Đề tài KH&CN cấp quốc gia, Mã số: KX.01.38/16-20.*

4. Hội bảo trợ khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam (2019), *Quyền tham gia hoạt động thể thao của NKT.*

5. Сергей Петрович Евсеев, Теория и организация адаптивной физической культуры, Спорт, Москва, 2016.

6. <https://kcb.vn/phat-trien-chuyen-nganh-phuc-hoi-chuc-nang-viet-nam-bat-kip-voi-the-gioi.html>.

(Bài nộp ngày 3/10/2021, phản biện ngày 11/10/2021, duyệt in ngày 26/10/2021)